

Số: 24 /2020/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 19 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm  
trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*


*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 205/TTr-SNV ngày 05/8/2020 về việc ban hành Quy định đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2020. Thay thế Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định xếp loại thi đua hàng năm đối với các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, đoàn thể cấp tỉnh; các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã và các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc tỉnh; Quyết định số 66/2015/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều Quy định xếp loại thi đua hàng năm đối với các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, đoàn thể cấp tỉnh; các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã và các Trường Đại học, Cao đẳng đóng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND tỉnh; Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều Quy định xếp loại thi đua hàng năm đối với các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, đoàn thể cấp tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã và các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 và Quyết định số 66/2015/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh. 

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; Hiệu trưởng các Trường Đại học, Cao đẳng; Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 18

Nơi nhận: *Am*

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- TT Tin học - CB, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Loan).

*Vls*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

*Nguyễn Đức Trung*

Nguyễn Đức Trung

## QUY ĐỊNH

**Đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm trên địa bàn tỉnh Nghệ An**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21 /2020/QĐ-UBND  
ngày 19 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Nghệ An)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm đối với các cơ quan Đảng, Ủy ban MTTQVN tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan thuộc Bộ, ngành Trung ương thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc Khối thi đua của tỉnh.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan Đảng, Ủy ban MTTQVN tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.
2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan thuộc Bộ, ngành Trung ương thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn tỉnh.
3. Các huyện, thành phố, thị xã.
4. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.
5. Các trường Đại học, Cao đẳng thuộc Khối thi đua của tỉnh.

#### **Điều 3. Mục đích, yêu cầu**

1. Đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm nhằm xác định mức độ phân đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.
2. Căn cứ đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm để Chủ tịch UBND tỉnh có hình thức khen thưởng và đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng kịp thời cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhằm động viên tinh thần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải đánh giá chính xác từng nhiệm vụ, công việc được triển khai thực hiện trong năm. Phân tích tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm tiếp theo.

#### **Điều 4. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại thi đua**

1. Đánh giá, xếp loại thi đua trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, khách quan, công khai, công bằng, kịp thời, đoàn kết, phối hợp cùng tiến bộ.

2. Các căn cứ đánh giá, xếp loại chủ yếu dựa vào mức độ hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch đề ra của các cơ quan, đơn vị, địa phương và chỉ tiêu, nhiệm vụ của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao; việc tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và công tác khen thưởng.

3. Số lượng các đơn vị đạt loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không vượt quá 20% tổng số các đơn vị được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

## **Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Bảng tiêu chí tự chấm điểm, xếp loại thi đua**

1. Tiêu chí áp dụng đối với các cơ quan Đảng, Ủy ban MTTQVN tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (Phụ lục I kèm theo).

2. Tiêu chí áp dụng đối với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (Phụ lục II kèm theo).

3. Tiêu chí áp dụng đối với các cơ quan Trung ương thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn tỉnh (Phụ lục III kèm theo).

4. Tiêu chí áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh (Phụ lục IV kèm theo).

5. Tiêu chí áp dụng đối với các huyện, thành phố, thị xã (Phụ lục V kèm theo).

6. Tiêu chí áp dụng đối với các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc Khối thi đua của tỉnh (Phụ lục VI kèm theo).

#### **Điều 6. Bảng chấm điểm chéo và xếp loại**

1. Phụ lục VII: Bảng điểm của các cơ quan Đảng, Ủy ban MTTQVN tỉnh, đoàn thể cấp tỉnh; các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh chấm chéo cho các huyện, thành phố, thị xã và ngược lại (có Phụ lục kèm theo).

2. Phụ lục VIII: Bảng điểm của các Sở, ngành liên quan chấm chéo cho các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc Khối thi đua của tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

#### **Điều 7. Cách tính điểm**



1. Thang điểm tối đa cho hệ thống tiêu chí tự chấm điểm và chấm chéo là 100 điểm. Các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch nếu hoàn thành 100% là đạt điểm chuẩn. Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó và các đơn vị trong Cụm, Khối đánh giá, thảo luận và thống nhất điểm thưởng và điểm trừ.

2. Điểm thưởng và cách tính điểm:

a) Điểm thưởng do vượt kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu được giao và thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực phụ trách: Các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch cứ vượt 1% được cộng thêm 0,1 điểm nhưng tổng số điểm thưởng không vượt quá 10% so với điểm chuẩn của tiêu chí đó.

b) Thưởng điểm mới, nổi bật, sáng tạo: Được cộng thêm từ 01 đến 05 điểm.

c) Tổng điểm thưởng quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 2, Điều này không vượt quá 10 điểm.

3. Điểm trừ và cách tính điểm:

a) Các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch cứ giảm 1% bị trừ 0,1 điểm nhưng tổng số điểm trừ không vượt quá 10% so với điểm chuẩn của tiêu chí đó.

b) Trong năm xếp loại, nếu đơn vị hoặc Thủ trưởng đơn vị có đơn thư, khiếu nại tố cáo hoặc có vấn đề nổi cộm mà cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm, thì tùy vào mức độ sẽ bị trừ từ 01 đến 10 điểm, hoặc hạ một bậc xếp loại.

c) Đơn vị vi phạm các quy định về công tác thi đua, khen thưởng bị trừ 01 đến 02 điểm.

d) Các Cụm, Khối thi đua tổ chức tổng kết chậm (trừ trường hợp khách quan được Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đồng ý) thì cứ chậm 01 ngày sẽ bị trừ 0,5 điểm đối với đơn vị làm Cụm trưởng, Khối trưởng và Cụm phó, Khối phó (nhưng tối đa không trừ quá 03 điểm).

Nếu Cụm, Khối thi đua nào thực hiện không đúng tỷ lệ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ xem xét, hạ loại đơn vị làm Cụm trưởng, Khối trưởng và trừ điểm đơn vị làm Cụm phó, Khối phó trong năm.

### **Điều 8. Quy trình đánh giá, xếp loại**

1. Tự đánh giá, xếp loại: Đầu tháng 11 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm để tự đánh giá, chấm điểm và tự xếp loại cơ quan, đơn vị, địa phương mình theo bảng tiêu chí và thang điểm tại quy định này. Đối với các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc Khối thi đua của tỉnh tự đánh giá, xếp loại theo năm học.

2. Đánh giá, xếp loại chéo: Các cơ quan Đảng, Ủy ban MTTQVN tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là ngành) căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành quản

lý để đánh giá, chấm điểm, xếp loại đối với các huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là huyện). Ngược lại, các huyện căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các lĩnh vực liên quan đến các ngành để đánh giá, chấm điểm, xếp loại các ngành.

Hàng năm, các ngành triển khai nhiệm vụ đối với lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ ngành mình phụ trách thông qua các phòng, ban chuyên môn của huyện, xây dựng tiêu chí để chấm điểm cho các huyện đối với lĩnh vực liên quan. Đối với các huyện thông qua các phòng, ban chuyên môn liên quan đến ngành, xây dựng hệ thống tiêu chí để đánh giá, xếp loại ngành. Ngành và huyện phối hợp, thống nhất bảng tiêu chí chấm chéo.

Đối với các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc Khối thi đua của tỉnh (gọi tắt là Trường): Ngành nào quản lý về hoạt động chuyên môn của Trường thì ngành đó đánh giá, chấm điểm và xếp loại.

### 3. Đánh giá, chấm điểm và xếp loại tại Cụm, Khối thi đua:

Trước ngày 15/11 hàng năm đơn vị làm Cụm trưởng, Khối trưởng chủ trì, phối hợp với Cụm phó, Khối phó và các đơn vị trong Cụm, Khối tổ chức họp tổng kết năm để đánh giá, chấm điểm và xếp loại các đơn vị. Việc đánh giá, xếp loại ở Cụm, Khối thi đua phải dựa trên cơ sở chấm điểm của Cụm, Khối. Đối với các Cụm, Khối thi đua khi xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà có số dư thì thực hiện theo nguyên tắc làm tròn số.

4. Đối với các cơ quan thuộc Bộ, ngành Trung ương thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn tỉnh: Hàng năm, gửi kết quả xếp loại hoặc dự kiến xếp loại (nếu có) của cấp có thẩm quyền cho Khối trưởng Khối thi đua và Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổng hợp, đánh giá và trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Kết quả xếp loại hoặc dự kiến xếp loại (nếu có) của cấp có thẩm quyền được xem là một kênh đánh giá, xếp loại của tỉnh.

### 5. Đánh giá, xếp loại cấp tỉnh:

a) Bước 1: Sau khi nhận được hồ sơ chấm điểm, xếp loại của các cơ quan, đơn vị, địa phương và Cụm, Khối thi đua, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiến hành tổng hợp, xin ý kiến các cơ quan liên quan, gồm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQVN tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh (bao gồm Ban tiếp dân - Văn phòng UBND tỉnh), Văn phòng HĐND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục thuế Nghệ An. Các cơ quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để đánh giá, xếp loại các ngành, huyện theo 4 loại (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ);

b) Bước 2: Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổng hợp, dự kiến xếp loại và trình Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh cho ý kiến nhận xét, đánh giá;

c) Bước 3: Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổng hợp, dự kiến xếp loại và trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, quyết định.

6. Kết quả xếp loại cuối cùng của các cơ quan, đơn vị:

a) Kết quả xếp loại cuối cùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương được tính bằng tỷ lệ phiếu bầu của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

b) Trong trường hợp tỷ lệ phiếu bầu của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bằng nhau thì việc lựa chọn đơn vị nào do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh quyết định.

### **Điều 9. Xếp loại chất lượng**

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Các đơn vị đạt trung bình từ 90 điểm trở lên của điểm tự chấm, điểm chấm chéo mà không có tiêu chí nào đạt dưới 85% số điểm tối đa của tiêu chí đó, đồng thời được Cụm, Khối suy tôn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được trên 50% số các cơ quan mà Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh xin ý kiến đánh giá xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (bao gồm cả Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) và không có đơn vị trực thuộc hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật thì được đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tại Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Trường hợp đơn vị không được Cụm, Khối suy tôn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhưng được trên 50% số Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đề nghị đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh quyết định.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Các đơn vị đạt từ 80 đến dưới 90 điểm của điểm tự chấm, điểm chấm chéo mà không có tiêu chí nào đạt dưới 80% số điểm tối đa của tiêu chí đó thì được đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Các đơn vị đạt từ 70 đến dưới 80 điểm của điểm tự chấm, điểm chấm chéo và không có quá 3 tiêu chí đạt dưới 50% số điểm tối đa của tiêu chí đó.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Các đơn vị đạt dưới 70 điểm.

## **Chương III**

### **THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ THỜI GIAN XÉT XẾP LOẠI THI ĐUA**

#### **Điều 10. Thủ tục, hồ sơ**

1. Hồ sơ xếp loại thi đua của các đơn vị gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm:

a) Báo cáo tổng kết phong trào thi đua.

b) Bảng tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại. *ll*

c) Bảng điểm chấm chéo cho các đơn vị liên quan.

2. Hồ sơ xếp loại thi đua của các cụm, khối thi đua gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm:

a) Báo cáo tổng kết phong trào thi đua.

b) Bảng chấm điểm và xếp loại cho các đơn vị trong cụm, khối.

c) Trích biên bản họp của Cụm, Khối thi đua.

3. Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Bảng tổng hợp các tiêu chí và dự kiến xếp loại.

b) Các văn bản cho ý kiến đánh giá, xếp loại của các cơ quan liên quan.

4. Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Bảng tổng hợp các tiêu chí và dự kiến xếp loại.

b) Các văn bản cho ý kiến đánh giá, xếp loại của các cơ quan liên quan.

c) Kết quả đánh giá, xếp loại của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

#### **Điều 11. Thời gian nộp hồ sơ xếp loại thi đua**

Các đơn vị và cụm, khối thi đua nộp hồ sơ xếp loại thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 15/11 hàng năm (số liệu báo cáo đến ngày 31/10 hàng năm, hai tháng cuối năm ước tính). Đối với các trường học gửi trước ngày 15/7 hàng năm.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Hướng dẫn, triển khai thực hiện**

1. Giao Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, đôn đốc và triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần điều chỉnh, sửa đổi, các đơn vị phản ánh về Ban Thi đua - khen thưởng tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Đức Trung**

**Phụ lục I**  
**BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA**  
**CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, ỦY BAN MTTQ TỈNH, ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 21 /2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh)*

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
<b>I</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao</b>		<b>50</b>	
<b>A</b>	<b>Đối với cơ quan Đảng</b>		<b>50</b>	
1	Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về các nhiệm vụ được giao		20	
2	Lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, Quy định của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.		15	
3	Lãnh đạo xây dựng tổ chức Đảng, Chuyên môn, Đoàn thể trong cơ quan		15	
<b>B</b>	<b>Đối với Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể</b>		<b>50</b>	
1	Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao		15	
2	Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước và các quy định của tỉnh		15	
3	Tổ chức tham gia các phong trào, các cuộc vận động, các chương trình trên địa bàn tỉnh		10	
4	Công tác tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, giám sát, phản biện xã hội		10	
<b>II</b>	<b>Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước</b>		<b>30</b>	
1	Tổ chức quán triệt và thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước		7	
2	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các văn bản liên quan.		7	
3	Thực hiện công tác cải cách hành chính		7	
4	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương liên quan		3	
5	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		3	
6	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		3	
7	Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân; giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân		2	

<b>III</b>	<b>Tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua</b>		<b>5</b>	
1	Có Phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	
2	Thực hiện các Phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”		2	
<b>IV</b>	<b>Tổ chức, triển khai thực hiện công tác TĐKT</b>		<b>5</b>	
1	Thực hiện Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
<b>V</b>	<b>Điểm thưởng, điểm trừ</b>		<b>≤ 10</b>	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	<b>Tổng cộng:</b>		<b>100</b>	
*	<b>Tự nhận loại:</b>			

2

**Phụ lục II****BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA  
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH***(Kèm theo Quyết định số: 21 /2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh)*

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
<b>I</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao</b>		<b>40</b>	
1	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn Đại biểu QH tỉnh Nghệ An giao		20	
2	Tham mưu kịp thời, chất lượng, có hiệu quả cho Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn Đại biểu QH tỉnh Nghệ An ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành.		15	
3	Xây dựng và thực hiện các Chương trình hành động, Kế hoạch công tác năm		5	
<b>II</b>	<b>Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước</b>		<b>40</b>	
1	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		10	
2	Thực hiện công tác cải cách hành chính		10	
3	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các văn bản liên quan.		6	
4	Tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.		4	
5	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, Kế hoạch, Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương liên quan		3	
6	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		3	
7	Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân; giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân		2	
8	Công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng.		2	
<b>III</b>	<b>Tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua</b>		<b>5</b>	
1	Có Phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	
2	Thực hiện các Phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”		2	

<b>IV</b>	<b>Tổ chức, triển khai thực hiện công tác TĐKT</b>		<b>5</b>	
1	Thực hiện Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
<b>V</b>	<b>Điểm thưởng, điểm trừ</b>		<b>≤ 10</b>	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	<b>Tổng cộng:</b>		<b>100</b>	
*	<b>Tự nhận loại:</b>			

✓

**Phụ lục III**

**BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA CỦA CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
(Kèm theo Quyết định số: 21 /2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh)

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
<b>I</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao</b>		<b>45</b>	
1	Tham mưu kịp thời, chất lượng, có hiệu quả cho Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành.		20	
2	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ do cấp trên giao		15	
3	Xây dựng và thực hiện các Chương trình hành động, Kế hoạch công tác năm		10	
<b>II</b>	<b>Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước</b>		<b>35</b>	
1	Thực hiện công tác cải cách hành chính		10	
2	Tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.		6	
3	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các văn bản liên quan.		5	
4	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, Kế hoạch, Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương liên quan		4	
5	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		3	
6	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		3	
7	Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân; giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân		2	
8	Công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng.		2	
<b>III</b>	<b>Tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua</b>		<b>5</b>	
1	Có Phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	
2	Thực hiện các Phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”		2	

<b>IV</b>	<b>Tổ chức, triển khai thực hiện công tác TĐKT</b>		<b>5</b>	
1	Thực hiện Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
<b>V</b>	<b>Điểm thưởng, điểm trừ</b>		<b>≤ 10</b>	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	<b>Tổng cộng:</b>		<b>100</b>	
*	<b>Tự nhận loại:</b>			

il

**Phụ lục IV****BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA  
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC TỈNH***(Kèm theo Quyết định số: 21 /2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh)*

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
<b>I</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao</b>		<b>40</b>	
1	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao		20	
2	Tham mưu kịp thời, chất lượng, có hiệu quả cho Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành.		15	
3	Xây dựng và thực hiện các Chương trình hành động, Kế hoạch công tác năm		5	
<b>II</b>	<b>Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước</b>		<b>40</b>	
1	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		8	
2	Thực hiện công tác cải cách hành chính		8	
3	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các văn bản liên quan.		6	
4	Tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.		5	
5	Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân; giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân		4	
6	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, Kế hoạch, Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương liên quan		3	
7	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		3	
8	Công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng.		3	

<b>III</b>	<b>Tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua</b>		<b>5</b>	
1	Có Phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	
2	Thực hiện các Phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”		2	
<b>IV</b>	<b>Tổ chức, triển khai thực hiện công tác TĐKT</b>		<b>5</b>	
1	Thực hiện Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
<b>V</b>	<b>Điểm thưởng, điểm trừ</b>		<b>≤ 10</b>	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	<b>Tổng cộng:</b>		<b>100</b>	
*	<b>Tự nhận loại:</b>			

**Phụ lục V**  
**BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA**  
**CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ**  
*(Kèm theo Quyết định số: 21 /2020/QĐ-UBND ngày 19/8/ 2020 của UBND tỉnh)*

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
<b>I</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao</b>		<b>55</b>	
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP):		9	
a)	Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng	Nêu giá trị và % đạt được so KH	3	
b)	Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng	Nêu giá trị và % đạt được so KH	3	
c)	Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng	Nêu giá trị và % đạt được so KH	3	
2	Thu ngân sách	Nêu giá trị và % đạt được so KH	5	
3	Bình quân thu nhập đầu người/năm	Nêu kết quả so sánh năm trước	3	
4	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	Tỷ lệ giảm được %	6	
5	Lao động và xã hội		5	
a)	Số lao động được giải quyết việc làm	Số lượng, tỷ lệ đạt so KH	3	
b)	Chăm lo gia đình chính sách, người có công và thực hiện chính sách xã hội		2	
6	Giáo dục và Đào tạo		7	
a)	Huy động trẻ dưới 5 tuổi vào mầm non	Đạt % so KH	2	
b)	Huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1	Đạt % so KH	2	
c)	Số trường chuẩn Quốc gia	Số lượng đạt % so KH	3	
7	Y tế		6	
a)	Giảm tỷ suất sinh	Thực hiện/Kế hoạch	2	
b)	Tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên	Thực hiện/Kế hoạch	2	
c)	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	Thực hiện/Kế hoạch	2	
8	Văn hóa		5	
a)	Tỷ lệ gia đình văn hóa	Đạt % so KH	3	
b)	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn quốc gia	Đạt % so KH	2	
9	Quốc phòng - An ninh		5	
10	Thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới		4	



<b>II</b>	<b>Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước</b>		<b>25</b>	
1	Tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước		5	
2	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các văn bản liên quan.		5	
3	Thực hiện công tác cải cách hành chính		5	
4	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		3	
5	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		3	
6	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân		2	
7	Công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng.		2	
<b>III</b>	<b>Tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua</b>		<b>5</b>	
1	Có Phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	
2	Thực hiện các Phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”		2	
<b>IV</b>	<b>Tổ chức, triển khai thực hiện công tác TĐKT</b>		<b>5</b>	
1	Thực hiện Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
<b>V</b>	<b>Điểm thưởng, điểm trừ</b>		<b>≤ 10</b>	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	<b>Tổng cộng:</b>		<b>100</b>	
*	<b>Tự nhận loại:</b>			

42

**Phụ lục VI**  
**BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA**  
**CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG**

(Kèm theo Quyết định số: 21 /2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh)

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
<b>I</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao</b>		<b>40</b>	
1	Nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức lối sống, công tác nghiên cứu khoa học, thi tay nghề cho đội ngũ giáo viên		13	
2	Chất lượng đào tạo (gồm: Xếp loại năm học; tỷ lệ HS, SV đậu tốt nghiệp; Số HS, SV tốt nghiệp có việc làm		12	
3	Thực hiện kế hoạch tuyển sinh đầu vào đạt chỉ tiêu		10	
4	Chăm lo đời sống cho cán bộ, giáo viên		5	
<b>II</b>	<b>Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước</b>		<b>40</b>	
1	Thực hiện công tác cải cách hành chính		8	
2	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các văn bản liên quan.		8	
3	Tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước		6	
4	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		5	
5	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		4	
6	Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân; giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.		4	
7	Việc thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, Chương trình do các Bộ, ngành TW liên quan triển khai		3	
8	Công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng.		2	
<b>III</b>	<b>Tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua</b>		<b>5</b>	
1	Các phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	
2	Thực hiện các Phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”		2	

<b>IV</b>	<b>Tổ chức, triển khai thực hiện công tác TĐKT</b>		<b>5</b>	
1	Thực hiện Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
<b>V</b>	<b>Điểm thưởng, điểm trừ</b>		<b>≤ 10</b>	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	<b>Tổng cộng:</b>		<b>100</b>	
*	<b>Tự nhận loại:</b>			

## Phụ lục VII

BẢNG ĐIỂM CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, ỦY BAN MTTQVN TỈNH, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CẤP TỈNH; CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH; CÁC CƠ QUAN THUỘC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH; CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH CHẤM CHÉO CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ VÀ NGƯỢC LẠI

(Kèm theo Quyết định số: 21 /2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Điểm chuẩn	Điểm chấm chéo của các đơn vị liên quan nhau																				
			Nam Đàn	Hưng Nguyên	Nghi Lộc	TP. Vinh	TX. Cửa Lò	Quỳnh Lưu	TX Hoàng Mai	Diễn Châu	Yên Thành	Đô Lương	Kỳ Sơn	Tương Dương	Con Cuông	Anh Sơn	Thanh Chương	Quế Phong	Quỳ Châu	Quỳ Hợp	Nghĩa Đàn	Tân Kỳ	TX Thái Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	Văn phòng Tỉnh ủy	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X
3	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X
4	Ban Dân vận tỉnh ủy	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X
5	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X
6	Ban Nội chính Tỉnh ủy	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X
7	Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh	100																					





TT	Tên đơn vị	Điểm chuẩn	Điểm chấm chéo của các đơn vị liên quan nhau																				
			Nam Đàn	Hưng Nguyên	Nghi Lộc	TP. Vinh	TX. Cửa Lò	Quỳnh Lưu	TX Hoàng	Diễn Châu	Yên Thành	Đô Lương	Kỳ Sơn	Tương Dương	Con Cuông	Anh Sơn	Thanh	Quế Phong	Quỳ Châu	Quỳ Hợp	Nghĩa Đàn	Tân Kỳ	TX Thái Hòa
28	Sở Y tế	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
29	Sở Văn hoá và Thể thao	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
30	Sở Du lịch	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
31	Ban Dân tộc	100						x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
32	Sở LĐTB&XH	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
33	Đài Phát thanh và TH tỉnh	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
34	Báo Nghệ An	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
35	Nhà xuất bản Nghệ An	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
36	Thanh tra tỉnh	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
37	Sở Tư pháp	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
38	Toà án Nhân dân tỉnh	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
39	Viện Kiểm sát ND tỉnh	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
40	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	100			x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x						

TT	Tên đơn vị	Điểm chuẩn	Điểm chấm chéo của các đơn vị liên quan nhau																			
			41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52								
	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Công an tỉnh	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Cục thi hành án DS tỉnh	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Văn phòng UBND tỉnh	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Văn phòng HĐND tỉnh	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Sở Nội vụ	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Sở Ngoại vụ	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Sở kế hoạch và Đầu tư	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Sở Tài chính	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Cục Thống kê	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Cục Thuế Nghệ An	100	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	

TT	Tên đơn vị	Điểm chuẩn	Điểm chấm chéo của các đơn vị liên quan nhau																				
			Nam Đàn	Hưng Nguyên	Nghi Lộc	TP. Vinh	TX. Cửa Lò	Quỳnh Lưu	TX Hoàng Mai	Diễn Châu	Yên Thành	Đô Lương	Kỳ Sơn	Tương Dương	Con Cuông	Anh Sơn	Thanh Chương	Quế Phong	Quỳ Châu	Quỳ Hợp	Nghĩa Đàn	Tân Kỳ	TX Thái Hòa
53	Kho bạc Nhà nước N.An	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
54	Cục Hải quan Nghệ An	100				x	x						x				x						
55	Bảo hiểm xã hội tỉnh	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
56	Ngân hàng NNVN Chi nhánh tỉnh Nghệ An	100																					
57	Cục Dữ trữ Nhà nước khu vực Nghệ Tĩnh	100	x		x	x				x	x	x											
58	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và DL	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
59	Cục Quản lý thị trường	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
60	BQL dự án ĐTXD các CT dân dụng và CN	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
*	<b>Tổng điểm BQ chấm chéo:</b>																						
*	<b>Xếp loại:</b>																						

- Ghi chú: Dấu X là điểm chấm chéo của các ngành – huyện liên quan nhau, ô để trống không chấm điểm vì không liên quan nhau.

**Phụ lục VIII**  
**BẢNG ĐIỂM CHẤM CHÉO CỦA CÁC SỞ, NGÀNH LIÊN QUAN CHO CÁC**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG ĐÓNG THUỘC KHỐI THI ĐUA CỦA TỈNH**  
*(Kèm theo Quyết định số: 21 /2020/QĐ-UBND ngày 19 /8/2020 của UBND tỉnh)*

TT	Tên đơn vị	Điểm chuẩn	Điểm chấm chéo đối với lĩnh vực liên quan			
			Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Lao động, TB và XH	Sở Văn hóa và Thể thao
1	Trường Đại học Vinh	100				
2	Trường Đại học Y khoa Vinh	100	x	x		
3	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	100		x		
4	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An	100		x		
5	Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Nghệ An	100		x	x	x
6	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật Việt - Đức Nghệ An	100		x	x	
7	Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Nghệ An	100		x	x	
8	Trường Cao đẳng nghề Du lịch - Thương mại Nghệ An	100		x	x	
9	Trường Cao đẳng nghề số 4, Bộ Quốc phòng			x	x	
*	<b>Tổng điểm BQ chấm chéo:</b>					
*	<b>Xếp loại:</b>					

- Ghi chú: Dấu X là điểm chấm chéo của các sở cho các trường liên quan nhau, ô để trống không chấm điểm vì không liên quan nhau.

*VB*